TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 268/2018/HS-PT
Ngày: 26-4-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vinh Quang;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Hạnh;

Ông Bùi Xuân Trọng.

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội*:** Ông Lê Đỗ Quyên - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên toà công khai xét xử phúc thẩm về phần dân sự trong vụ án hình sự thụ lý số 678/2014 ngày13-8-2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội. Do có kháng cáo của bị đơn dân sự đối với Bản án dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự số 18/2014/HSST ngày 26-6-2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2157/ QĐXXPT-HS ngày 11-4-2018 của Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

* *Nguyên đơn không kháng cáo* (bị hại trong vụ án hình sự): Ông **Lê Hữu N**, sinh năm 1968; cư trú tại phường V, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

* *Bị đơn có kháng cáo* (bị cáo trong vụ án hình sự): Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1967; ĐKNKTT tại phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở hiện nay: Hiện đang thi hành án tại trại giam Bình Điền – Bộ Công an; có mặt.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Luật sư Trần Đình T - Văn phòng luật sư V, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:*

1. Ngân hàng NHCT.VN. Trụ sở chính tại số quận H, thành phố Hà Nội. Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Khánh T1 - Cán bộ NHCT.VN chi nhánh Hà Tĩnh; có mặt.

2. Ngân hàng NHNT.VN. Trụ sở chính tại quận H, thành phố Hà Nội. Đại diện theo ủy quyền: Ông Đàm Xuân H, sinh năm - Phó phòng xử lý nợ; có mặt.

3. Ông Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1948; ĐKNKTT tại xá T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

4. Ông Nguyễn Thanh T3, cư trú tại phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Hữu Tr, cư trú tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị H, cư trú tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

7. Ông Đào Trọng H1, cư trú tại Chung cư B, quận H, Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[a] Kết quả giải quyết đơn tố cáo Trần Thị T có hành vi gian dối chiếm đoạt tiền và tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh (CQĐT) và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành các Kết luận điều tra (KLĐT) số 06 ngày 21-02-2011 (bl595.1), Cáo Trạng số 08/Ctr-KSĐT ngày 22-3-2011 (bl 608.1) xác định Trần Thị T đã chiếm đoạt của một số tổ chức và cá nhân 3.823.837.500đ, trong đó có 1.567.000.000đ của ông Lê Hữu N (gồm 700.000.000đ và 19.400 USD tương đương 322.000.000đ xin cho con ông N đi du học; vay ông N 100.000.000đ trong số 500.000.000đ ngày 16-02-2009; vay 450.000.000đ ngày 27-5-2009 lý do mua đất tại Cẩm Vịnh, Cẩm Xuyên). Trần Thị T đã trả ông Lê Hữu N 1.456.000.000đ (gồm gán nợ nhà xưởng trị giá 200.000.000đ; trả tiền mặt 90.000.000đ; bán 20 máy tính cho Dương Thị H5 trả hộ 176.000.000đ; bán nhà số 295 đường Hà Huy Tập, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (nhà 295-HHT) giá 2.500.000.000đ để trả ngân hàng 1.510.000.000đ còn lại trả ông N 990.000.000đ). Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2011/HSST ngày 30-5-2011của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh quyết định: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị T 14 năm tù. Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 604; Điều 605; Điều 608 Bộ luật dân sự, buộc Trần Thị T phải bồi thường cho những người bị hại, trong đó có ông Lê Hữu N 116.000.000đ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; người bị hại Lê Hữu N kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt và buộc bị cáo T bồi thường tổng số tiền đã chiếm

đoạt là 2.928.600.000đ. Bản án hình sự phúc thẩm số 623/2011/HSPT ngày 26-10-2011, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội quyết định: Giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Trần Thị T; chấp nhận kháng cáo của bị hại Lê Hữu N; hủy phần quyết định buộc bị cáo Trần Thị T phải trả cho ông Lê Hữu N 116.000.000 đồng để giải quyết lại sơ thẩm.

[b] KLĐT số 01 ngày 28-11-2012 của CQĐT (bl 109.4) và Văn bản số 57/Cv/VKS-HS ngày 10-01-2013 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (bl 115.4) xác định: Trong 03 lần giao dịch Trần Thị T đã chiếm đoạt của ông Lê Hữu N 1.567.000.000đ và đã trả ông N 556.000.000đ gồm: 200.000.000đ trị giá nhà xưởng; trả tiền mặt 90.000.000đ; Dương Thị H5 trả hộ 176.000.000đ; bán nhà 295.HHT giá 1.600.000.000đ trả ngân hàng 1.510.000.000đ và trả ông N 90.000.000đ. Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2013/HSST ngày 04-3-2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh quyết định: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 604; Điều 605; Điều 608 Bộ luật dân sự, buộc bị đơn Trần Thị T phải bồi thường cho ông Lê Hữu N 1.016.000.000đ. Ngày 18-3-2013, bị đơn Trần Thị T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm trên đây. Bản án phúc thẩm số 527/2013/HSPT ngày 21-8-2013 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội quyết định: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự số 03/2013/HSST ngày 04-3-2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh để giải quyết lại sơ thẩm.

[c] Ngày 08-10-2013, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ra Thông báo số 29/TB-TA về việc thụ lý lại vụ án *(BL01.5).*

[c1] Quá trình thu thập chứng cứ:

[c1.1] NHCT.VN cung cấp: Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số 0983556 của NHCT.VN có nội dung: "Chủ sở hữu Lê Hữu N; ngày gửi 10-4-2008 số tiền 400.000.000đ lãi nhập gốc; tất toán ngày 18-12-2008 số tiền 429.891.737đ". Phần dưới mục đồng sở hữu có chữ ký của Trần Thị T, chữ ký và ghi họ tên Lê Hữu N *(BL 94.5)*. Phiếu chi tiền số 0087 của NHCT.VN ngày 18/12/2008 có nội dung: "Căn cứ yêu cầu của khách hàng từ thẻ số YA0983556; tên tài khoản: Lê Hữu N; tên người lĩnh tiền: Lê Hữu N; tổng số tiền 429.891.737đ". Phần dưới các mục có chữ ký của Trần Thị T, chữ ký và ghi họ tên Lê Hữu N *(BL 95.5).*

[c1.2] NHNT.VN cung cấp: Giấy yêu cầu gửi tiền ngày 11/4/2008 có nội dung: *Người gửi Lê Hữu N; số tiền 200.000.000đ.* Phần dưới các mục có chữ ký của Trần Thị T, chữ ký và ghi họ tên Lê Hữu N *(BL 87.5)*. Chứng nhận tiền gửi số 136401 của NHNT.VN *(BL 90.5)* có nội dung: "Tên khách hàng Lê Hữu N; ngày gửi 11/4/2008 số tiền 200.000.000đ; tất toán ngày 13/01/2009 số tiền 216.946.077đ". Giấy yêu cầu rút tiền ngày 13/01/2009 có nội dung: *Người yêu*

cầu Lê Hữu N; số tiền 216.946.077đ. Phần dưới mục người rút tiền có chữ ký và ghi họ tên Lê Hữu N *(BL 88.5)*.

[c1.3] Lời khai của Trần Thị T *(BL 04, 40-50.5)* và lời khai của ông Lê Hữu N *(BL 52-75.5)* đều có chung nội dung: T đã nhận của ông N 1.572.000.000đ; số tiền 400.000.000đ gửi NHCT.VN và số tiền 200.000.000đ gửi NHNT.VN đứng tên người gửi Lê Hữu N để chứng minh tài chính nằm trong số tiền 700.000.000đ ông N đưa cho T cho con ông N là Lê Hữu Vũ đi du học tại Úc.

[c1.4] Lấy lời khai của ông Trần Văn Thuận *(BL 10.5)*; của đại diện NHCT.VN *(BL 16)*; của NHNT.VN *(BL 10,86-105.5)*; cho các đương sự đối chất và tiến hành hòa giải *(BL 03,09,28.5)*.

[c2] Liên quan đến yêu cầu phản tố của bị đơn:

[c2.1] Ngày 10-11-2013 và ngày 26-02-2014, bị đơn Trần Thị T có đơn phản tố với nội dung: T nhận của ông N 1.572.000.000đ, nhưng đã trả quá tiền cho ông N gồm: Tiền bán nhà 295.HHT 990.000.000đ; ông N nhận 221.000.000đ bán 06 lô đất cho T, nhưng T chưa được nhận đất; 33.500USD và 31.000.000đ cho ông N vay mua ô tô Santafe; T chuyển cho ông Đào Trọng H119.400USD sau đó ông Hùng đã trả cho ông N; yêu cầu giải quyết việc ông N hiện đang quản lý ngôi nhà gỗ của bị đơn; yêu cầu xác minh và giải quyết các khoản vay giữa bị đơn với NHCT.VN (bl 07, 37.5).

[c2.2] Phiên tòa sơ thẩm ngày 15-01-2014 phải hoãn do vắng mặt một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Đào Trọng H1, Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Hữu Tr, Nguyễn Thị H và người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn (bl110.5). Phiên tòa sơ thẩm ngày 26-02-2014 phải hoãn để bị đơn thực hiện quyền phản tố (bl 117.5). Ngày 26-02-2014, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ra Thông báo số 01/TB-TA xác định: "Đơn phản tố thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh; yêu cầu trong thời hạn 15 ngày bị đơn Trần Thị T phải nộp 9.000.000đ tạm ứng án phí phản tố". Văn bản trên được tống đạt hợp lệ cho bị đơn Trần Thị T *(BL76,77.5)*. Ngày 27-02-2014, bị đơn Trần Thị T có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí phản tố với nội dung: "Hiện đang chấp hành án phạt tù; tất cả tài sản của gia đình đã bị bán, thu giữ thi hành án; hoàn cảnh gia đình khó khăn" (bl 78-80.5). Ngày 10-3-2014, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ra Thông báo số 02/TB-TA với nội dung: "Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 16 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án xét giảm cho chị Trần Thị T 30% số tiền phải nộp tạm ứng án phí (theo Thông báo số 01/TB-TA ngày 26-02-2014) trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận thông báo này với số tiền ước tính khoảng 6.300.000đ". Văn bản trên

được tống đạt hợp lệ cho bị đơn Trần Thị T (bl 81,82.5). Ngày 07-4-2014, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ra Thông báo số 04/2014/TB-TA về việc trả lại đơn phản tố trên đây với nội dung: "Đến thời điểm hiện tại, chị T vẫn chưa nộp tạm ứng án phí theo Thông báo số 02/TB-TA ngày 10-3-2014 được tống đạt hợp lệ ngày 19-3-2014 vi phạm các Điều 130; 171; 178 BLTTDS. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 168 BLTTDS không chấp nhận đơn phản tố, trả lại đơn phản tố và thông báo cho chị Trần Thị T được biết". Văn bản trên được tống đạt hợp lệ cho bị đơn Trần Thị T (bl 121,122.5).

Phiên tòa sơ thẩm ngày 26-6-2014 vắng mặt các đương sự: Đào Trọng H1, Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Hữu Tr, Nguyễn Thị H và người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn. Tại Bản án dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự số 18/2014/HSST ngày 26-6-2014, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh quyết định: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 604; Điều 605; Điều 608 Bộ luật dân sự, buộc bị đơn Trần Thị T bồi thường cho ông Lê Hữu N 1.016.000.000đ. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo luật định. Ngày 02-7-2014, Trần Thị T kháng cáo không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm nêu trên. Ngày 25-7-2014, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ra Thông báo số 08/2014/TBKC-TA về việc bị đơn Trần Thị T kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm trên đây (bl 164.5).

Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thâm, vụ án trên được đưa ra xét xử nhiều lần nhưng đều phải hoãn phiên tòa vì lý do tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đương sự Lê Hữu N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; các đương sự Nguyễn Thanh T3, Đào Trọng H1, Nguyễn Hữu Tr vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị đưa vụ án ra xét xử, không hoãn phiên tòa.

Bị đơn Trần Thị T không rút kháng cáo và ủy quyền cho người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng: Ngày 10-11-2013 bị đơn gửi đơn phản tố nhưng không được Tòa xem xét nên phải hoãn phiên tòa ngày 26-02-2014 để xem xét quyền phản tố của bị đơn. Bị đơn có được nhận các thông báo của Tòa án yêu cầu nộp tạm ứng án phí phản tố trong khi đang bị giam giữ trong trại giam nên không thể ra ngoài để thực hiện việc nộp tiền, nhưng Tòa án lại không xem xét hoàn cảnh, trả lại đơn phản tố là trái quy định của pháp luật; vẫn tiến hành xét xử và ra Bản án sơ thẩm trong khi người bảo vệ quyền lợi bị đơn và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành điều tra thu thập đầy đủ chứng cứ:

Liên quan đến các khoản tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn và tài sản nguyên đơn nhận của bị đơn là căn nhà gỗ 3 gian được nêu trong Đơn phản tố, các Biên bản ghi lời khai và đối chất giữa hai bên. Liên quan đến việc bán nhà 295.HHT cho ông N 2.500.000.000đ; việc ông Hùng trả ông N 19.400 USD; việc ông N gửi và rút sổ tiết kiệm 400.000.000đ tại NHCT. Đề nghị hủy Bản án sơ thẩm trên đây để giải quyết sơ thẩm lại.

Ông Nguyễn Ngọc Th trình bày: Vợ chồng Tôi thỏa thuận viết giấy bán nhà cho ông N giá .500.000.000đ, Sau này ông N tìm được khách bán lại cho ông Tịnh nên nhờ vợ chồng Tôi viết giấy ủy quyền cho ông N bán nhà và ra công chứng hợp pháp hóa bán cho ông Tịnh để trốn thuế. Tôi có nhận được Giấy triệu tập phiên tòa ngày 26-6-2014 nhưng bị ốm đột xuất phải nằm điều trị tại bệnh xá nên có đơn gửi Tòa án xin hoãn phiên tòa. Sau khi biết tin Tòa đã xét xử, ngày 29-6-2014 Tôi đã viết đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm và đến trực tiếp nộp cho chị văn thư của Tòa án tỉnh Hà Tĩnh, nhưng không được xem xét giải quyết.

Bà Nguyễn Thị H trình bày có đổi căn nhà gỗ 3 gian cho Trần Thị T lấy xe ô tô MAZDA.

Đại diện NHCT xác nhận ngày 10-4-2008 bà T là người nộp 400.000.000đ gửi tiết kiệm đứng tên chủ sổ là Lê Hữu N. Ngày 18-12-2008, bà T và ông N đến NHCT rút 400.000.000đ và tất toán Sổ tiết kiệm trên.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã xác minh lời khai trên đây của ông Nguyễn Ngọc Th; thu thập 01 trang tài liệu Sổ "CÔNG VĂN ĐI – ĐẾN" của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh năm 2014 có nội dung: "Ngày 02-7-2014; Đơn của ông Nguyễn Ngọc Th; xã T, Đ". Cuối dòng có chữ ký tắt không ghi họ tên của cán bộ xử lý đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Tại Sổ nhận đơn ngày 02-7-2014 thể hiện Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý giải quyết đơn kháng cáo của ông Thuận là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, việc này thuộc trách nhiệm của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại.

Căn cứ tài liệu trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự được thẩm định; trên cơ sở kết quả tranh luận, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp bị đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Vụ án hình sự đối với bị cáo Trần Thị T phạm tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* là vụ án phức tạp, do có nhiều giao dịch đan xen giữa nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan diễn ra trong một thời gian dài, nên trong quá trình giải quyết vụ án việc xác định hành vi phạm tội thu thập chứng cứ, triệu tập đương sự gặp nhiều khó khăn. Bản án hình sự phúc thẩm số 623/2011/HSPT ngày 26-10-2011 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội có hiệu lực pháp luật đã quyết định: "Giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Trần Thị T; chấp nhận kháng cáo của bị hại Lê Hữu N, hủy phần quyết định buộc bị cáo Trần Thị T phải trả cho ông Lê Hữu N 116.000.000đ để giải quyết lại sơ thẩm". Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định giải quyết lại sơ thẩm đối với phần dân sự trong vụ án hình sự theo hướng dẫn tại Công văn số 121/2003/KHXX ngày 19-9-2003 của Tòa án nhân dân tối cao là có căn cứ.

Về nguyên tắc, cần xác định rõ phạm vi giải quyết lại phần dân sự trong vụ án hình sự trên đây của Tòa án chỉ liên quan đến tổng số tiền 1.572.000.000đ Trần Thị T đã chiếm đoạt của ông Lê Hữu N trong 03 lần giao dịch theo bản Cáo trạng đã truy tố gồm: Nhận 700.000.000đ và 19.400 USD để xin du học cho con ông N; vay ông N 100.000.000đ trong số 500.000.000đ ngày 16-02-2009 và 450.000.000đ ngày 27-5-2009 đã được xác định rõ tại các mục [a; b; c1.3]. Như vậy, ngoài 03 nội dung giao dịch trên đây, mọi yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền của những giao dịch khác đều nằm ngoài phạm vi khởi kiện. Tương tự, đối với yêu cầu buộc nguyên đơn phải trả lại bị đơn tiền và tài sản không liên quan đến nội dung của 03 giao dịch trên đây cũng đều nằm ngoài phạm vi giải quyết của vụ án, trừ trường hợp bị đơn có yêu cầu phản tố.

[1] Liên quan đến kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm có nhận xét như sau:

[1.1] Về nội dung phạm vi tranh chấp: Cả nguyên đơn và bị đơn đều công nhận: Trong 03 lần giao dịch T đã vay ông N 550.000.000đ; nhận của ông N 700.000.000đ và 19.400 USD xin du học Úc tổng số là 1.572.000.000đ. T đã trả ông N 200.000.000đ tiền gán nợ nhà xưởng và 90.000.000đ tiền mặt.

[1.1.1] Ông N công nhận đã nhận 176.000.000đ từ Dương Thị H5 trả nợ thay cho T, nhưng Dương Thị H5 khai đã trả ông N 220.000đ trừ nợ cho T. Cụ thể: H5 mua mua của T 20 máy tính giá 176.000.000đ và còn nợ T 44.000.000đ; ông Thái Quý S mua nhà của H5 còn nợ H5 220.000.000đ; T nợ S 300.000.000đ nên thỏa thuận để ông N là người đứng ra thực hiện giao dịch đối trừ nợ 220.000.000đ giữa H5, S, N và T (bl 289, 403.1). Ông Thái Quý S khai có việc

đối trừ nợ 220.000.000đ giữa H5, T, N và S (bl 308.1). Như vậy, việc các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm xác định T trả ông N 176.000.000đ thông qua Dương Thị H5 là chưa chính xác, nội dung này chưa được đối chất làm rõ để đảm bảo quyền lợi cho đương sự.

[1.1.2] Tài liệu do NHCT.VN cung cấp được ông N và T xác nhận: Ngày 10-4-2008, T dùng 400.000.000đ (trong số 700.000.000đ nhận của ông N) đem gửi tiết kiệm số sổ 0983556 đứng tên Lê Hữu N chủ sở hữu. Đại diện NHCT.VN xác định: "Số tiền 400.000.000đ đã được gửi vào NHCT đứng tên anh N và sau đó đã được anh N ký tất toán khi đến hạn thanh toán sổ tiết kiệm. Mặc dù sổ tiết kiệm đứng tên anh N nhưng có chữ ký của chị T là người gửi tiền nên ngân hàng buộc cả anh N và chị T cùng ký thì mới tất toán sổ này" (bl 149.3). Về nguyên tắc Tài chính - Kế toán, tổ chức tín dụng (NHCT.VN) chỉ được phép giao dịch trực tiếp với người đứng tên Chủ sở hữu ghi trên sổ tiết kiệm về việc đồng ý cho rút tiền gửi trong sổ tiết kiệm và tất toán sổ tiết kiệm, hoặc trong trường hợp Chủ sở hữu ghi trên sổ tiết kiệm có ủy quyền hợp pháp cho người khác thực hiện giao dịch đó. Chưa có tài liệu nào trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Lê Hữu N có ủy quyền cho Trần Thị T rút tiền gửi trong Sổ tiết kiệm số 0983556 ngày 18-12-2008. Chứng từ rút tiền 400.000.000đ trong Sổ tiết kiệm số 0983556 ngày 28-12-2008 có chữ ký của ông Lê Hữu N chủ sở hữu Sổ tiết kiệm là căn cứ xác định NHCT đã trả 400.000.000đ và tất toán Sổ tiết kiệm số 0983556 với ông N. Tuy T có ký tên vào chứng từ Phiếu chi tiền số 0087, nhưng đây không phải là căn cứ pháp lý để NHCT.VN chi trả tiền gốc và tiền lãi của Sổ tiết kiệm số 0983556 cho T. Văn bản số 68/CV-NHCT04 của NHCT.VN ngày 30-11-2010 Báo cáo thống kê quan hệ tín dụng giữa NHCT.VN với khách hàng Trần Thị T không có giao dịch nào vào ngày 18-12-2008 (bl 415.4). Ông Lê Hữu N cũng chưa xuất trình được tài liệu chứng cứ nào chứng minh ngày 18-12-2008 T đã nhận của ông N 400.000.000đ. Giả sử có việc T nhận 400.000.000đ sau khi số tiền này được rút ra từ Sổ tiết kiệm số 0983556 sẽ phát sinh các mối quan hệ pháp luật mới giữa ông N - T, hoặc giữa T - NHCT.VN, nếu có tranh chấp quyền khởi kiện một vụ án khác thuộc về đương sự. Do vậy, việc buộc bị đơn Trần Thị T phải chịu trách nhiệm số tiền 400.000.000đ trong Sổ tiết kiệm số 0983556 của ông Lê Hữu N khi chưa điều tra đầy đủ mối quan hệ giữa T với NHCT.VN cũng như mối quan hệ giữa ông N với T trong việc giao và nhận 400.000.000đ là chưa đảm bảo quyền lợi của đương sự theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập thêm chứng cứ và tổ chức hòa giải; Đơn kháng cáo của bị đơn Trần Thị T nằm trong thời hạn luật định. Liên quan đến yêu cầu phản tố của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm có nhận xét

như sau: Sau khi nhận được Đơn yêu cầu phản tố của bị đơn Trần Thị T, Tòa án cấp sơ thẩm đã ra các Thông báo số 01 ngày 26-02-2014 và Thông báo số 02/TB-TA ngày 10-3-2014 về việc miễn giảm và yêu cầu bị đơn nộp tạm ứng án phí trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận thông báo theo quy định tại các Điều 130; Điều 171 Bộ luật tố tụng dân sự. Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện các văn bản trên đây đều đã được tống đạt hợp lệ cho bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn Trần Thị T đang bị thi hành bản án hình sự, không có điều kiện liên lạc và không thể tự mình rời khỏi nơi giam giữ nên có thể coi đây là trường hợp bất khả kháng thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí phản tố của bị đơn. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm cần trực tiếp gặp và hướng dẫn cho bị đơn liên hệ hay thông báo cho gia đình, người thân biết để thực hiện nghĩa vụ cho mình hoặc lập biên bản giải thích rõ hậu quả của việc không nộp tạm ứng án phí phản tố cho bị đơn trước khi trả lại đơn. Việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định trả lại Đơn phản tố trong khi chưa hướng dẫn bị đơn đang bị giam giữ thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí phản tố là chưa đảm bảo quyền lợi của đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Liên quan đến yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc Th, Hội đồng xét xử phúc thẩm có nhận xét như sau: Giấy xác nhận bệnh nhân Nguyễn Ngọc Th có điều trị tại Bệnh xá xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (bl 131-132.5) là chứng cứ xác định ông Nguyễn Ngọc Th vắng mặt tại phiên tòa ngày 26-6-2014 vì lý do bất khả kháng. Nội dung trong Sổ "CÔNG VĂN ĐI – ĐẾN" của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh năm 2014: "Ngày 02-7-2014; Đơn của ông Nguyễn Ngọc Th; xã T, Đ" có chữ ký tắt không ghi họ tên của cán bộ xử lý đơn là chứng cứ xác định người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Ngọc Th có gửi Đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hà tĩnh sau phiên tòa xét xử ngày 26-6-2014. Việc Tòa án chưa xem xét đơn của đương sự là thiếu sót, cần phải kiểm tra làm rõ và giải quyết nội dung Đơn của ông Thuận theo đúng quy định của pháp luật tố tụng để đảm bảo quyền của đương sự trong vụ án.

Như đã phân tích trên đây, do không thể thực hiện bổ sung được tại Tòa án cấp phúc thẩm, vì vậy cần phải hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại sơ thẩm theo thủ tục chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Trần Thị T, hủy Bản án dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự số 18/2014/HSST ngày 26-6-2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết lại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Trần Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại HN;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Trại giam Bình Điện - BCA;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Cơ quan THAHS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu: HS; V1; PNV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Vinh Quang